

Nguyễn Văn Vĩnh với văn hóa dân tộc

Trần Việt Nghĩa*

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
336 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 16 tháng 10 năm 2007

Tóm tắt. Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những trí thức Việt Nam rất uyên thâm về văn hoá phương Đông và phương Tây. Ông hoạt động trên nhiều lĩnh vực văn hoá - xã hội như báo chí, dịch thuật, văn học, chữ Quốc ngữ, kịch nói, chính trị và kinh doanh. Ở lĩnh vực nào ông cũng để lại những dấu ấn sâu sắc. Ông yêu thích văn hoá phương Tây và đã nỗ lực truyền bá văn hoá phương Tây về nước để xây dựng một nền văn hoá Việt Nam mới dựa trên sự kết hợp nhuần nhị giữa tinh hoa văn hoá phương Tây với tinh hoa văn hoá Việt Nam. Trong bài viết này, tôi mong muốn làm sáng rõ hơn những đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh trong việc xây dựng một nền văn hoá Việt Nam mới đầu thế kỷ XX.

Nguyễn Văn Vĩnh (1882- 1936) sinh ra và lớn lên trong một bối cảnh xã hội có nhiều thay đổi. Thực dân Pháp đã bình định xong Việt Nam và tiến hành khai thác thuộc địa với quy mô lớn và cường độ mạnh. Những cơ sở kinh tế tư bản xuất hiện ngày một nhiều. Báo chí trở thành phương tiện truyền thông đặc dụng nhất. Tây học từng bước thay thế Hán học để chiếm ngôi vị độc tôn. Quá trình đô thị hoá làm gia tăng nhanh chóng tầng lớp thị dân. Đây là bộ phận tiêu xài văn hoá phương Tây nhiều nhất. Tâm lý thù địch với văn hoá phương Tây giảm dần. Trước thời thế thay đổi, Nguyễn Văn Vĩnh đã biết tận dụng những điều kiện thuận lợi để góp công xây dựng một nền văn hoá Việt Nam mới.

1. Quan điểm về tiếp xúc văn hoá

Năm 1913, trên Đông Dương tạp chí, Nguyễn Văn Vĩnh đã đăng liên tục 18 bài *Xét tạt mình* để chỉ rõ những thói hư, tật xấu hiện còn tồn đọng trong xã hội. Ông đã viện dẫn câu danh ngôn nổi tiếng của Pascal là "*Tout dire, Pour tout Connaitre, Pour tout Guérir*" (nói hết, để biết hết, để chữa hết) để mở đầu cho loạt bài *Xét tạt mình*. Mỗi bài *Xét tạt mình* đề cập đến một hay một vài hủ tục văn hoá cụ thể. Những hủ tục theo ông cần phải sớm loại bỏ là tệ xôi chè rượu thịt ở nông thôn, tệ quan lại ức hiếp dân chúng, tính biển lận và ăn gian nói dối, tính ỷ lại, tính hoang phí và thiếu dự phòng, mê tín thái quá, huyền hồ lý tưởng, trọng lối học khoa cử, ham mê cờ bạc, giỡn cười, vụng nói chuyện, nặc danh đầu thư, gian tham trong hội hè, che đậy thân thể sống sã, lười làm, và tệ ngôi thờ.

* ĐT: 84-4-8585284

E-mail: vietnghia_77@yahoo.com

Kế tiếp mục *Nhời đàn bà* của Đặng Cổ Tùng Báo, Nguyễn Văn Vĩnh đã viết thêm loạt bài mới về *Nhời đàn bà* trên Đông Dương tạp chí. Trong đó ông nêu thêm nhiều hủ tục trong lối sống của người phụ nữ Việt Nam như cách ăn nói, giao tiếp, trang phục, lao động, hôn nhân, gia đình, và đặc biệt là chăm sóc con cái thiếu khoa học.

Nguyễn Văn Vĩnh cho rằng nguyên nhân căn bản làm nảy sinh các hủ tục "là cái cách đoàn thể, cách lập hương thôn, sinh ra một cách giáo dục riêng, làm cho người ta lớn lên, hội một cái ý thất buộc về phận làm người, về xã hội" [1]. Hủ tục đã kìm hãm sự phát triển của xã hội Việt Nam, vì vậy muốn xã hội tiến bộ trước hết phải loại trừ các thói hủ.

Từ xét lại các thói hư, tật xấu trong văn hoá Việt Nam, Nguyễn Văn Vĩnh chủ trương Âu hoá mạnh văn hoá Việt Nam. Được tiếp xúc với văn minh phương Tây từ rất sớm nên ông hiểu rất rõ sự ưu việt của nó. Theo ông cơ thể văn hoá Việt Nam lúc này mang đầy tật bệnh, cần phải được bồi bổ và chữa trị bằng văn minh phương Tây. Chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa duy lợi và tự do là nền tảng sức mạnh của văn minh Âu châu. Văn minh châu Á kém cỏi vì quá coi trọng chủ nghĩa gia tộc, trật tự thứ bậc trong xã hội, cương thường luân lý mà không quan tâm đến quyền tự do cá nhân [2, tr.4]. Do kém văn minh hơn nên người châu Á tất yếu phải chấp nhận nền văn minh Âu châu: "*Người sức kém phải theo người sức hơn, văn minh hơn*" [2, tr.5].

Sau khi xét lại mình, ngẫm về người, Nguyễn Văn Vĩnh đã kê một đơn thuốc văn minh để đặc trị những bệnh tật trong văn hoá Việt Nam: "*Nhưng bên cạnh bài kể bệnh xin bắt đầu dịch một vài đơn thuốc. Tật dở đã có sách hay. Tôi lục trong sách Đại Pháp có xem được một tập luân lý khéo nhặt nhạnh những cái văn hay, tư tưởng phải của các nhà triết học Âu châu về*

cương thường luân lý người ta. Khen thay văn chương góp nhặt mà sao khéo chấp nối thành ra một bộ sách có đầu có đuôi, tư tưởng liên tiếp nhau như của một tay mà hoá ra nhờ mượn của các danh nhân Âu châu đủ mặt. Bên xét tật mình thì cứ xin tề nhà, cứ soi móc cho ra chân răng kẽ tóc mà nết người thì ta cũng mượn nhờ hay dịch lại để đồng bào cùng noi theo" [3]. Bài thuốc đặc trị đó là phải tiếp thu có chọn lọc văn hoá phương Tây. Nguyễn Văn Vĩnh chỉ muốn thâm nhập những tinh hoa văn hoá phương Tây, phù hợp với văn hoá Việt Nam, để làm cho người Việt Nam tiến bộ mà thôi. Ông khẳng định: "*Thuốc văn minh uống nhâm công phạt tệ hại hơn thuốc bệnh*" [1]. Tư tưởng tiếp biến văn hoá phương Tây được thể hiện rất rõ trong nhiều bài báo của ông. Ông ra sức truyền tải văn hoá phương Tây về nước để người Việt Nam biết, chất lọc, học hỏi và biến tấu nó thành một phần trong văn hoá Việt Nam.

2. Cải tiến chữ Quốc ngữ

Lịch sử chế tác chữ Quốc ngữ ở Việt Nam khá dài, trải qua vài thế kỷ, và gắn liền với quá trình truyền đạo Ki tô vào Việt Nam. Ban đầu chữ Quốc ngữ chỉ tồn tại trong cộng đồng Thiên Chúa giáo. Đến cuối thế kỷ XIX, nó đã bước qua giới hạn của nhà thờ để tiến tới thành chữ viết phổ thông. Bước sang những năm đầu thế kỷ XX, nhiều nhà nho cấp tiến thấy được những lợi ích của chữ Quốc ngữ đối với sự phát triển của dân tộc nên ra sức hô hào nhân dân học chữ Quốc ngữ. Từ tâm lý thù địch trước kia họ đã mạnh dạn coi chữ Quốc ngữ là hồn của nước. Chữ Quốc ngữ trở thành một trong những vấn đề văn hoá trọng điểm, thu hút được sự quan tâm của đông đảo trí thức trong nước.

Không đi tiên phong nhưng Nguyễn Văn Vĩnh rất nhiệt tình với sự nghiệp phát triển chữ Quốc ngữ. Theo ông chữ Quốc ngữ là kênh truyền bá văn hoá phương Tây vào Việt Nam tốt nhất và tin rằng nó là tương lai của dân tộc: “*Nước Nam ta sau này hay dở cũng ở chữ Quốc ngữ*”⁽¹⁾.

Nguyễn Văn Vĩnh biết rõ giá trị của Pháp ngữ nhưng không chủ trương Pháp hoá tiếng nói và chữ viết dân tộc. Theo ông người Việt Nam có chung một ngôn ngữ nên phải có chữ viết riêng cho mình. Học chữ Quốc ngữ là cách để người Việt Nam thoát khỏi sự tù túng của Nho học, vì học chữ Nho phải mất nửa đời người, trăm người học không được một người hay, học chỉ lợi cho mình mà không lợi cho đời. Học văn chữ Nho chỉ để rung đùi mà thôi. Ông cho rằng việc bỏ chữ Nho không dễ vì từ lâu nó đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân, nhưng để dân tộc phát triển thì phải loại bỏ chữ Nho ra khỏi trường Pháp-Việt và không nên dạy cho trẻ em nữa [4].

Chữ Quốc ngữ hồi những năm đầu thế kỷ XX vẫn còn nhiều khuyết điểm về ngữ pháp, phiên âm và ngữ âm. Do đó, việc chỉnh sửa những khuyết điểm để chữ Quốc ngữ mượt mà và tiện ích hơn trong cuộc sống là rất cần thiết.

Nguyễn Văn Vĩnh nhận thấy ở nước ta do có nhiều phương ngữ nên mỗi miền sử dụng chữ Quốc ngữ cũng khác nhau. Người ta thường đọc sai chữ *ch* và chữ *tr* như *cha* mẹ và *tra* mẹ; chữ *x* và chữ *s*; chữ *gi* và chữ *d*, chữ *gi* và chữ *tr* như *trông* cây và *giông* cây; chữ *nh* và chữ *l* như *lời* và *nhời*; chữ *nh* và *d* như *con nhện* và *con dện*; sự khác nhau về vần như *ắt* và *ít*, *ang* và *ương*, *inh* và *anh*, *úc* và *ước*, *ân* và *on*, *ia* và *ai*, *ay* và *ây*, *ưng* và *âng*, *ua* và *ua*, ví dụ như *nhất* và *nhứt*, *đường* và *đàng*, *phúc* và

phước, *nhân* và *nhơn*, *nghĩa* và *ngãi*, *này* và *nây*, *nấng* và *núng*, *thũa* và *thuở*... Nguyễn Văn Vĩnh cho rằng do ký tên huý và làm thơ ép vần là nguyên nhân dẫn tới những khác biệt ngôn ngữ. Cần phải thống nhất chữ viết trên cả nước nếu không sẽ đọc sai, viết sai và hiểu sai nghĩa của câu chữ. Theo ông chữ *ch* với chữ *tr*, chữ *s* với chữ *x*, và chữ *r* nên đọc theo người Đàng Trong; chữ *d* với chữ *gi* nên đọc theo người Đàng Ngoài; các chữ khác nhau như *gi* thành *tr*, *d* thành *nh*, *nh* thành *l* thì người Bắc nên đọc theo người Nam, ví dụ như *tra* gái thay cho *giai* gái, *trông* mái thay cho *sông* mái, *nhôt* gà thay cho *dôt* gà [5].

Nguyễn Văn Vĩnh nhận thấy những bất cập trong cách phiên âm tên đất và tên người nước ngoài ra chữ Quốc ngữ. Nếu phiên âm tiếng nước ngoài theo chữ Hán thì dễ đọc, dễ hiểu nhưng lại dễ sai nguyên bản; phiên âm theo chữ Quốc ngữ thì nhiều người đọc sẽ không hiểu, còn để nguyên bản gốc thì những người không biết tiếng nước ngoài không đọc được. Để giải quyết tình trạng nan giải này, theo ông tên những nước lớn được dịch qua chữ Hán ai cũng biết như Pháp, Anh, Nga, Đức, Bỉ, Áo thì cứ để nguyên, còn những từ chưa phổ thông thì nên phiên âm theo cách mới: “*Khi viết lẫn những tên ấy vào văn quốc ngữ thì nên viết tiếng dịch trước rồi mới vòng hai bên hai cái viết nguyên dạng chữ vào sau cho người ta biết tiếng Tây để nhận ra*” [6]. Do chữ Quốc ngữ có nhiều nguyên âm (72 nguyên âm) đã làm cho việc in ấn gặp nhiều khó khăn vì các máy in mua của Tây không có nhiều dấu, do đó ông muốn giảm xuống còn 26 nguyên âm.

Bên cạnh việc cải tiến và chỉnh sửa những khiếm khuyết, Nguyễn Văn Vĩnh còn ra sức cổ động nhân dân học chữ Quốc ngữ. Ông tận dụng mọi cơ hội có thể để đưa chữ Quốc ngữ thành chữ viết của dân tộc. Ông từng là

(1) Câu nói nổi tiếng này được ghi trong *Lời tựa* của dịch phẩm *Truyện Kiều* năm 1907.

thầy giáo dạy chữ Quốc ngữ ở trường Đông Kinh Nghĩa Thục, kêu gọi bỏ chữ Nho để học chữ Quốc ngữ trong các trường Pháp - Việt, viết báo bằng chữ Quốc ngữ, và lập hội Dịch sách tiếng nước ngoài ra chữ Quốc ngữ.

3. Phát triển báo chí Bắc Kỳ

Sớm bén duyên với nghề báo và nghề báo đã đeo bám Nguyễn Văn Vĩnh cho đến hơi thở cuối cùng⁽²⁾ và mang lại cho ông sự nổi tiếng. Năm 1906, nhân dịp tham dự *Hội chợ thuộc địa* tại thành phố Marseille (Pháp), ông đã đi thăm quan báo *Reme de Paris*, nhà xuất bản Hachette, nhà in từ điển Larousse. Từ đây, ông đã có thêm sự hiểu biết đáng kể về công nghệ làm báo rất chuyên nghiệp của nước Pháp. Bên cạnh đó, sự am hiểu sâu sắc văn hoá Đông Tây, giỏi ngôn ngữ và hiểu biết rộng rãi các vấn đề chính trị xã hội, đã tạo ra cho ông những lợi thế lớn trong nghề báo. Khi ông bước vào nghề thì báo chí Việt Nam tuy phát triển đáng kể về số lượng nhưng kỹ nghệ làm báo còn rất lạc hậu và thua xa phương Tây. Cải tiến kỹ nghệ làm báo, nhất là ở Bắc Kỳ, nơi báo chí còn non yếu, là một việc làm cấp thiết.

Năm 1907, Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút tờ *Đăng Cổ Tùng Báo*, cơ quan ngôn luận của trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Đây là tờ tuần báo, được viết bằng chữ Hán và chữ Pháp. Đào Nguyên Phổ phụ trách phần chữ Hán, còn Nguyễn Văn Vĩnh phụ trách phần chữ Quốc ngữ. Báo in theo bản nhỏ, tương đương với khổ A4 bây giờ, và trình bày theo lối cổ với những hình vẽ long, li, quy,

phượng. Báo có các mục Xã thuyết, Nhời đàn bà, Chuyên luận, Bình luận, Tiểu phẩm và Tin tức. Nguyễn Văn Vĩnh viết bài cho mục Nhời đàn bà, Nhời giao hẹn, Nhời chủ báo, Xã thuyết và Tin tức dưới bút danh Tân Nam Tử và Đào Thị Loan.

Từ khi tiếp nhận tờ *Đăng Cổ Tùng Báo*, Nguyễn Văn Vĩnh đã cấu trúc lại các mục báo theo một trật tự hợp lý. Những mục có tính thời sự được đưa lên trước, sau đó là các bài xã thuyết. Cách đưa tin của *Đăng Cổ Tùng Báo* nhanh, gọn đảm bảo được tính thời sự. Nội dung phong phú, đa dạng và hấp dẫn người đọc. Phần báo chữ Quốc ngữ được viết theo ngôn ngữ báo chí như tường thuật, phóng sự và nghị luận. Văn phong đã có sự chau chuốt và thông thoát hơn. Mục *Điện báo toàn cầu* đăng tin thời sự thế giới. Mục *Nhời đàn bà* là để dành riêng cho giới nữ. Mục này đề cập đến các nếp sinh hoạt thường ngày của chị em phụ nữ như cách ứng xử, chuyện ăn, ở, sinh nở và chăm sóc gia đình. Mục này còn phản ánh tư tưởng bình quyền nam nữ và mở rộng độc giả của Nguyễn Văn Vĩnh. *Đăng Cổ Tùng Báo* trở thành một tờ báo lớn, có đông độc giả, và nức tiếng trong cả nước trước khi bị thực dân Pháp đình bản vào tháng 11 năm 1907.

Đến năm 1913, Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút tờ tuần báo *Đông Dương tạp chí*. Mặc dù là cơ quan tuyên truyền văn hoá Pháp vào Việt Nam nhưng nó không phải là một chuyên san văn hoá. Báo đề cập đến nhiều lĩnh vực xã hội khác nhau. So với *Đăng Cổ Tùng Báo* thì *Đông Dương tạp chí* đã có những bước phát triển vượt bậc về kỹ nghệ làm báo. Cách cấu trúc các chuyên mục rõ ràng, gọn gàng và hợp lý hơn. Các mục thời sự, tin tức được sắp xếp lên các trang đầu báo để gây sự chú ý, cung cấp những thông tin mới nhất tới độc giả, tiếp đến là các bài luận

⁽²⁾ Nguyễn Văn Vĩnh mất ngày 1 tháng 5 năm 1936 trên một con thuyền độc mộc thả trên dòng Tchépone, tại bản Sa Khúp (Lào) khi trên tay vẫn còn bản phóng sự "Một tháng với những người tìm vàng".

thuyết: “Mỗi kỳ có một bài tổng thuật các việc làm trong tuần, một bài đại luận về thời sự, các điện báo toàn báo hoàn cầu, các điều nên biết về việc buôn bán. Mục chủ nghĩa thì cốt in những bài phổ thông các thuật hay, nghề mới mà chuyên nhất vào việc nông là việc cốt của dân An Nam và luận về công nghệ thương, hợp với trình độ văn minh ta thời nay” [7, tr.59]. Mục Đăng văn cổ chuyên để “lấy những nhời nhẽ sát thực và phải lẽ của dân An Nam mà đăng lên cho chính phủ biết và đem những ý cao nhà nước mà tỏ cho dân hay” [7, tr.58]. Ngoài ra còn có các mục văn chương và luân lý học. Thời kỳ 1913 - 1914, Đông Dương tạp chí quan tâm nhiều và đều đến các mảng đề tài thuộc về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và thời sự. Thời kỳ 1915 - 1917, tờ báo này quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề văn hoá.

Kỹ thuật làm báo hiện đại của Nguyễn Văn Vĩnh tiếp tục được phát huy trong tờ Trung Bắc Tân Văn. Tờ báo này ra số đầu tiên vào ngày 15 tháng 6 năm 1915 tại Hà Nội và do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút. Báo có các chuyên mục như Ngôn luận tự do, Văn học, Câu chuyện lịch sử, Tin trong nước, Tin thế giới, Bình luận và Thời sự. Trang đầu của báo thường để đăng các nghị định và công văn của chính quyền thực dân. Lúc mới ra đời Trung Bắc Tân Văn là tờ tuần báo, từ tháng 10 năm 1915 mỗi tuần ra ba kỳ, từ tháng 1 năm 1919 đổi thành nhật báo. Tờ báo đã quy tụ được một số cây bút danh tiếng như Hoàng Tăng Bí, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Đỗ Mục, Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trạc và Phan Kế Bính.

Nguyễn Văn Vĩnh còn viết nhiều bài cho các báo tiếng Pháp như *Courrier de Haiphong*, *Tribune Indochinoise*, *Notre Journal*, *Notre Revue*, *L'annam* và *Annam Nouveau*. Mục đích viết báo bằng chữ Pháp của Nguyễn Văn Vĩnh là để người Pháp hiểu thêm về văn hoá

Việt Nam. Tuy viết nhiều bài bằng tiếng Pháp nhưng Nguyễn Văn Vĩnh vẫn trọng báo Quốc ngữ hơn.

Sự hiện diện của Nguyễn Văn Vĩnh trong làng báo giới Bắc Kỳ đã đem lại những đổi thay đáng kể. Một là nó làm tăng thêm sức cạnh tranh với báo giới Nam Kỳ và thu hẹp khoảng cách phát triển báo giới hai miền. Hai là nó góp phần thúc đẩy văn hoá đọc ở Bắc Kỳ. Sau Thế chiến thứ nhất, số lượng các tờ báo Bắc Kỳ đã nhiều hơn Nam Kỳ và kỹ nghệ làm báo đã tân tiến hơn. Ba là qua báo chí Nguyễn Văn Vĩnh đã giúp người dân tiếp cận được với nhiều nguồn thông tin đa dạng và mới lạ để mở mang dân trí, tạo cơ hội việc làm, đồng thời đẩy mạnh sự tiếp xúc văn hoá Đông Tây ở Việt Nam.

4. Truyền bá văn học phương Tây vào Việt Nam

Nguyễn Văn Vĩnh đã dịch nhiều tác phẩm văn học phương Tây, chủ yếu là văn học Pháp, ra chữ Quốc ngữ. Trên các tờ báo của mình, nhất là trên tờ Đông Dương tạp chí, ông đã đăng tải nhiều dịch phẩm văn học phương Tây của mình như *Thơ ngụ ngôn* của La Fontaine, *Truyện trẻ con* của Perraut, truyện *Gil Blas de Sautilane* của Lesage (4 quyển), *Manon Lescaut* của Abbé Prévost (5 quyển), *Ba người ngự lâm pháo thủ* của A.Dumas (24 quyển), *Những kẻ khốn nạn* của V.Hugo, *Miếng da lừa* của H.Balzac, *Guy li e du ký* của J.Suift, *Tê lê mác phiêu lưu ký* của Fénelon, *Truyện các danh nhân Hy Lạp* và *La Mã* của Plutarque, *Đàn cừu của chàng Pannaurge* của A.Vayrac.

Nguyễn Văn Vĩnh không chọn lối dịch sát câu chữ và chau chuốt văn phong vì theo ông do trình độ dân trí trong nước còn kém nên

chỉ cần dịch ở mức độ sao cho thoát nghĩa, dễ đọc và dễ hiểu là được: “*Bây giờ đem sách người mà dịch ra tiếng bản quốc nếu cứ dịch cho đúng từng chữ thì xem không thể hiểu được. Tất phải dịch lấy nghĩa. Lấy nhờ nhẽ ta mà giải nhờ nhẽ người. Đến lúc thiên hạ xem hiểu nhiều rồi, tất có người rạch ròi muốn biết nghĩa thâm trầm thì lại đem dịch lại, nhưng lúc bấy giờ dịch kỹ mới có người hiểu. Chúng tôi cũng biết rằng sách dịch ra bây giờ, đời sau là có người chê, nhưng có thể mới gọi là tiến bộ*” [8, tr.338].

Trình độ dịch thuật của Nguyễn Văn Vĩnh cũng tăng tiến theo thời gian. Năm 1907, bài thơ *Con ve và con kiến* của La Fontaine được ông dịch theo thể thơ lục bát của người Việt, và đăng trên Đăng Cổ Tùng Báo. Bảy năm sau, trên Đông Dương tạp chí, ông đã dịch lại bài thơ này theo đúng vần điệu của thơ Pháp. Đến *Truyện trẻ con* của Perrault, ông đã dịch sát nghĩa hơn và diễn tự kiểu Việt văn nên rất dễ đọc. Dịch phẩm này được truyền tụng ở nhiều nơi và nhiều người đọc tưởng đó là câu chuyện cổ tích Việt Nam.

Việc dịch tiểu thuyết Tây khó hơn vì đây là một loại hình văn học mới. Chữ Quốc ngữ cũng chưa đủ độ nhuần nhị, tinh tế để có thể diễn đạt hết tinh thần tiểu thuyết phương Tây. Biết là khó nhưng Nguyễn Văn Vĩnh vẫn quyết tâm đưa tiểu thuyết phương Tây vào Việt Nam qua con đường chữ Quốc ngữ với tinh thần vừa dịch, vừa tập dịch. Trong phần đầu của các bộ tiểu thuyết, ông dịch nhiều câu không thật sát nghĩa nhưng những đoạn sau đã sát nghĩa và hay hơn.

Vũ Ngọc Phan, một nhà nghiên cứu văn học, đã nhận xét phong cách dịch của Nguyễn Văn Vĩnh như sau: “*Lỗi dịch ấy các nhà báo thường dùng gọi là "lược dịch" cốt lấy mau, miễn là hoạt mà thôi. Người không có nguyên văn đối chiếu tưởng là hay tuyệt, nhưng nếu dùng những bản dịch của Nguyễn*

Văn Vĩnh để so với nguyên bản mà học dịch thì nhiều khi người ta thấy những ý tưởng trong câu dịch không còn là ý của tác giả nữa” [9, tr.55].

Nguyễn Văn Vĩnh đã để lại cho đời một di sản dịch thuật rất đồ sộ và xứng đáng được người thời đó tôn xưng là quán quân dịch thuật. Việc chuyển dịch nhiều tác phẩm văn học phương Tây ra Việt văn của ông rất hữu ích. Một mặt nó thúc đẩy sự giao lưu văn học Pháp - Việt khi giới thiệu rộng rãi tới người Việt Nam các thể loại và phương pháp sáng tác văn học phương Tây. Mặt khác nó góp phần đưa văn chương Việt Nam thoát khỏi những khuôn mẫu định sẵn của văn học Trung Hoa và tạo ra những nét mới lạ trong đời sống văn học nước nhà. Việc dịch thành công nhiều thể loại văn học phương Tây đã chứng tỏ được tiếng Việt và chữ Quốc ngữ có đủ khả năng để xây dựng một nền văn chương độc lập. Theo Vũ Ngọc Phan: “*Nguyễn Văn Vĩnh là một người rất có công với quốc văn nhưng không phải chỉ nhờ những chính sách dịch mà ông có công ấy. Ông có công lớn với quốc văn vì ông đã đứng chủ trương một cơ quan văn học vào buổi mà đôi với văn chương còn bỡ ngỡ*” [9, tr.56]. Qua những dịch phẩm văn học phương Tây, người đọc, nhất là những trí thức Tây học trẻ đã cảm nhận được cái hay và cái đẹp của văn học phương Tây, từ đó dấy lên niềm ham mê sáng tác. Từ những năm 1920 trở đi, một đội ngũ nhà văn trẻ được hình thành ngày một đông đảo trên nền tảng hấp thụ các dịch phẩm văn học phương Tây trên báo chí.

5. Phát triển Kịch nói

Kịch nói là một trong những loại hình nghệ thuật biểu diễn được du nhập vào Việt

Nam từ cuối thế kỷ XIX. Ban đầu nó phục vụ cho các quan chức và binh lính Pháp. Đến đầu thế kỷ XX, kịch nói đã bắt đầu thâm nhập vào đời sống văn hoá tinh thần của người Việt Nam.

Nguyễn Văn Vĩnh có sự hiểu biết khá sâu sắc về kịch nói. Ông đã dịch khá nhiều vở kịch nói của Molière và Lesage. Hai vở kịch do ông dịch đã gây được ấn tượng sâu sắc với công chúng là *Trường giả học làm sang* và *Người biển lận* của Molière. Không chỉ dừng lại ở dịch kịch, ông còn trực tiếp tham gia dàn dựng một số vở kịch. Năm 1918, trên sân khấu Hà Nội, ông đã dàn dựng và công diễn vở kịch *Trường giả học làm sang*. Trong đó ông đã đóng vai Juordain và Nguyễn Hải, con trai cả của ông, thủ vai Cléonte [10].

Nhân dịp kỷ niệm thành lập Hội Khai Trí Tiến Đức ngày 25 tháng 4 năm 1920, vở *Người bệnh tưởng* do Nguyễn Văn Vĩnh dịch đã được công diễn tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội [11]. Vở kịch này được chuẩn bị và dàn dựng rất công phu. Louis Marty, Nguyễn Văn Vĩnh và Rény đã tập hợp một số công chức, giáo viên, y sĩ, có hiểu biết chút ít về kịch cổ điển tham gia tập luyện. Vợ chồng Rény đã đạo diễn vở kịch theo đúng quy cách của kịch cổ điển Pháp. Phải mất 6 tháng tập luyện vở kịch mới được hoàn tất và đưa vào công diễn. Dính thân Toàn quyền Đông Dương Maurice Long làm chủ tọa buổi khai diễn. Khán giả chủ yếu là người Pháp, công chức, sinh viên và nhà báo. Buổi ra mắt đã thực sự gây được tiếng vang lớn. Sau sự kiện này, nhiều vở kịch dịch của Nguyễn Văn Vĩnh tiếp tục được dàn dựng và công diễn ở nhiều nơi với nhiều đôi tượng người xem khác nhau.

Việc dịch và tổ chức biểu diễn kịch Tây của Nguyễn Văn Vĩnh đã góp phần quảng bá văn hoá Pháp ở Việt Nam, làm cho người Việt Nam biết và được thưởng thức thêm một loại

hình nghệ thuật mới đầy hấp dẫn này. Người xem cảm nhận được nét mới mẻ và những khác biệt giữa kịch Tây với các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống như tuồng, chèo và cải lương. Một số tờ báo lúc đó đã mạnh dạn gợi ý sân khấu Việt Nam nên “*diễn những vở hài kịch theo lối Thái Tây để bổ ích cho nhân tâm, phong tục nước nhà*” [8, tr.21]. Từ những vở kịch dịch trên báo chí và những buổi diễn kịch Tây đầu tiên đó đã có những ảnh hưởng sâu sắc tới thế hệ trí thức Tây học trẻ. Họ ham thích kịch Tây và mong muốn xây dựng một nền kịch nói cho dân tộc. Sau những va vấp và thử nghiệm không thành đầu tiên, vào ngày 22 tháng 10 năm 1921, vở *Chén thuốc độc* của Vũ Đình Long đã công diễn rất thành công trên sân khấu Nhà hát lớn thành phố Hà Nội. Đây chính là dấu mốc đánh dấu sự ra đời của kịch nói Việt Nam. Một thế hệ các nhà soạn kịch trẻ đầy tài năng đã xuất hiện với nhiều gương mặt sáng giá như Vũ Đình Long, Tô Giang, Nguyễn Ngọc Sơn, Đoàn Ân, Nguyễn Hữu Kim, Hồ Trọng Hiếu và Trần Tuấn Khải. Kịch nói đã đi sâu và trở thành một thành tố quan trọng trong văn hoá Việt Nam.

Nhìn chung, từ trước đến nay đã có nhiều đánh giá khác nhau về nhân vật Nguyễn Văn Vĩnh theo hai xu hướng chính. Một là chỉ ra những sai lầm chính trị của Nguyễn Văn Vĩnh như thân Pháp, sùng bái thái quá văn hoá phương Tây và chống đối những người Việt Nam yêu nước chống Pháp. Hai là làm rõ những đóng góp của Nguyễn Văn Vĩnh đối với sự phát triển văn hoá dân tộc trong giai đoạn giao thời, Á - Âu xung đột hồi đầu thế kỷ XX. Theo tôi trong cách đánh giá Nguyễn Văn Vĩnh không nên quá thiên về mặt nào đó, chỉ cần nói đúng và đủ là được. Nguyễn Văn Vĩnh là một trong những trí thức có một nền tảng kiến thức văn hoá Đông Tây kim cổ rất uyên bác. Ông hoạt

động trên nhiều lĩnh vực văn hoá khác nhau như giáo dục, báo chí, dịch thuật, văn học, kịch nói, chính trị và kinh doanh. Ở lĩnh vực nào ông cũng để lại những dấu ấn sâu đậm. Ông say mê văn hoá phương Tây, hằng hái truyền bá nó về nước, để góp công xây dựng nền văn hoá Việt Nam mới trên nền tảng hoà hợp văn hoá Đông Tây, nhưng có phần thiên về Tây hơn. Bút danh Tân Nam Tử (Người Nam mới) đã thể hiện rõ khát vọng đổi mới bản thân ông và rộng hơn là dân tộc ông.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Vĩnh, Xét tậ mình, *Đông Dương tạp chí*, số 6, 1913, tr.5.
- [2] Nguyễn Văn Vĩnh, Âu Á văn minh, *Đông Dương tạp chí*, số 39, 1914.
- [3] Nguyễn Văn Vĩnh, Tật có thuốc, *Đông Dương tạp chí*, số 15, 1913, tr.5.
- [4] Nguyễn Văn Vĩnh, Chữ Quốc ngữ, *Đông Dương tạp chí*, số 33, 1913, tr.3-4.
- [5] Nguyễn Văn Vĩnh, Cách viết chữ Quốc ngữ, *Đông Dương tạp chí*, số 82, năm 1914, tr.5-6.
- [6] Nguyễn Văn Vĩnh, Cách viết chữ Quốc ngữ, *Đông Dương tạp chí*, số 67, năm 1914, tr.9.
- [7] Hồng Chương, *Tìm hiểu lịch sử báo chí Việt Nam*, NXB Sách giáo khoa, Hà Nội, 1987.
- [8] Nguyễn Văn Vĩnh, Hội dịch sách, *Đại Nam Đăng Cổ Tùng Báo*, số ra ngày 8 tháng 8 năm 1907.
- [9] Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn Việt Nam hiện đại*, NXB Vĩnh Thịnh, Hà Nội, 1951.
- [10] Hoàng Tiến, Dịch giả Nguyễn Văn Vĩnh, chiếc cầu nối văn hoá Đông Tây, *Vietnamnet*, 2005.
- [11] Phan Kế Hoành, *Bước đầu tìm hiểu lịch sử kịch nói Việt Nam*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1978, tr.20.

Nguyen Van Vinh and national culture

Tran Viet Nghia

*Department of History, College of Social Sciences and Humanities, VNU
336 Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam*

Nguyen Van Vinh was one of Vietnamese intellectuals having the deep background of West and East culture. He played in many socio-cultural aspects, such as journalism, interpretation, literature, national character, drama, politics and business, in which he had many important footprints. He liked the West culture and took it to Vietnam to build a new Vietnam culture, which based on mixing harmony the cultural elites of the West with the East's. In this paper I would like to make clearer Vinh' roles in developing a new Vietnam culture in the early XX century.